

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

TRẦN THỊ NHƯ TRANG

**QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI TẠI CHI CỤC
THUẾ THANH KHÊ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng

Mã số : 60.34.02.01

**TÓM TẮT
LUẬN VĂN THẠC SĨ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

Đà Nẵng – Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS. TS Nguyễn Ngọc Vũ**

Phản biện 1: TS. Hồ Hữu Tiến

Phản biện 2: GS. TS Dương Thị Bình Minh

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Tài Chính Ngân Hàng họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 04 năm 2016

* Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Trung tâm Học liệu, Đại học Đà Nẵng

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế môn bài là loại thuế đầu tiên người nộp thuế thực hiện trong năm hay khi mới ra hoạt động, và đây cũng là loại thuế mang tính kiểm kê số lượng doanh nghiệp, hộ cá thể trên địa bàn. Tuy số thu của thuế môn bài chỉ chiếm khoảng 3% trong tổng thu NSNN nhưng với tính chất rộng lớn về đối tượng quản lý, tính tiên phong trong việc quản lý đòi hỏi sự phối hợp giữa các cấp, giữa các chính quyền địa phương, đảm bảo thu đúng, rà soát đầy đủ các doanh nghiệp hay hộ kinh doanh trên địa bàn. Quận Thanh Khê là một trong những quận có tình hình kinh doanh rất sôi nổi trên địa bàn TP. Đà Nẵng, số lượng doanh nghiệp khá nhiều nhưng chủ yếu là doanh nghiệp vừa và nhỏ và hộ kinh doanh cá thể. Do vậy, việc quản lý thuế môn bài trên địa bàn chiếm một vị trí hết sức quan trọng.

Xuất phát từ những lý do trên thì việc chọn đề tài “Quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng” có ý nghĩa thực tiễn và lý luận.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu giải quyết 3 vấn đề cơ bản sau:

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận về quản lý thuế môn bài.
- Phân tích và đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.
- Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Những vấn đề lý luận về quản lý thuế môn bài và thực tế quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

- Phạm vi nghiên cứu:

Về nội dung nghiên cứu: Đề tài tập trung nghiên cứu công tác quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng, vì tính chất đặc thù của thuế môn bài nên có một số những khác biệt trong cách quản lý người nộp thuế.

Về không gian: Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

Về thời gian: Nội dung nghiên cứu của đề tài căn cứ vào số liệu từ năm 2013 đến năm 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên nền tảng cơ sở lý luận về quản lý thuế môn bài, luận văn đã dựa vào những dữ liệu thu thập được và kết hợp các phương pháp thống kê mô tả, phân tích, so sánh, quan sát để tổng hợp và xử lý các thông tin thu thập được. Đồng thời kết hợp với các vấn đề thực tiễn và lý luận quản lý thuế để làm sáng tỏ vấn đề nghiên cứu.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Góp phần hệ thống hóa lý luận cơ bản về quản lý thuế môn bài.

Giúp Chi cục Thuế quận Thanh Khê nắm được thực trạng quản lý thuế môn bài tại đơn vị mình, chỉ ra những vấn đề đã làm được, chưa hoàn thiện, bất cập. Từ đó nêu lên một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế môn bài tại Chi cục.

6. Kết cấu luận văn

Luận văn gồm có ba chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thuế môn bài và quản lý thuế môn bài

Chương 2: Thực trạng quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Giải pháp và kiến nghị hoàn thiện quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Với sự hướng dẫn và giúp đỡ tận tình của cán bộ hướng dẫn khoa học PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ, tác giả đã chọn đề tài **“Quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế Thanh Khê thành phố Đà Nẵng”** để thực hiện nghiên cứu cho Luận văn Thạc sỹ Chuyên ngành Tài chính và Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã tham khảo phương pháp nghiên cứu của một số luận văn thạc sỹ đã thực hiện tại các trường đại học dựa trên nền tảng lý thuyết được tham khảo từ một số tài liệu, sách tham khảo được biên soạn mới nhất về quản lý thuế môn bài là các giáo trình đã được giảng dạy tại các trường Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, Đại học Quốc gia Hà Nội... cùng một số sách chuyên ngành của một số học giả đã biên soạn và biên dịch từ nguồn tài liệu nước ngoài. Từ đó, tác giả đã chọn lọc làm cơ sở lý luận và tìm ra nền tảng để tiến hành nghiên cứu và hoàn thành đề tài này.

Đề tài **“Quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”** năm 2015, Luận văn Thạc sỹ Quản Lý Kinh Tế của tác giả Nguyễn Phùng Hạnh, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Trong phần cơ sở lý luận, tác giả đã nêu lên cơ sở lý luận về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế giá trị gia tăng, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế giá trị gia tăng, các kinh nghiệm của các địa phương và bài học kinh nghiệm cho Vĩnh Phúc. Phần thực trạng tác giả đã phân tích đầy đủ nội dung thực trạng công tác quản lý thuế giá trị gia tăng ở các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Qua đó, tác giả đề xuất giải pháp khắc phục những tồn tại và tăng cường công tác quản lý thuế giá trị gia tăng đối với doanh nghiệp xây dựng tỉnh

Vĩnh Phúc. Bên cạnh những kết quả đạt được, đề tài vẫn còn những tồn tại: tác giả đưa ra rất nhiều giải pháp nhưng lại không có kiến nghị đối với các cơ quan chức năng để tháo gỡ những vướng mắc mà ngay chính Cục Thuế Vĩnh Phúc không giải quyết được.

Đề tài **“Hoàn thiện công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”** năm 2012, Luận văn Thạc sỹ Kinh Tế của tác giả Lê Bá Tiến, Đại học Đà Nẵng. Tác giả đã nêu ra những lý luận chung như khái niệm, đặc điểm của thuế, doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; Nội dung, các yếu tố ảnh hưởng, kinh nghiệm quản lý thuế của các nước. Ở phần cơ sở lý luận này tác giả chưa nêu lên vai trò của quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn FDI hiện nay. Trong phần đánh giá thực trạng, tác giả đã có những đánh giá khá toàn diện và sát với thực tế, làm nổi bật được thành công và hạn chế trong quá trình triển khai công tác quản lý thuế đối với doanh nghiệp có vốn FDI. Tuy nhiên theo tôi thì phần tình hình thu thuế cũng nằm trong thực trạng quản lý thuế. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tác giả đã đưa ra những giải pháp có tính khả thi nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế.

Đề tài **“Hoàn thiện công tác quản lý thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”** năm 2013, Luận văn Thạc sỹ Kinh tế phát triển của tác giả Trần Công Thành, Đại học Đà Nẵng.

Đề tài chưa đi giới thiệu qua tổng quan về thuế, còn những nội dung khác đề tài nêu ra rất là đầy đủ về thực trạng quản lý thu thuế thu nhập cá nhân.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ MÔN BÀI VÀ QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI

1.1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THUẾ

1.1.1. Khái niệm về thuế

1.1.2. Đặc điểm của thuế

1.1.3. Vai trò của thuế

1.1.4. Phân loại về thuế

a. Căn cứ vào tính chất của nguồn động viên vào NSNN, thuế phân làm hai loại: trực thu và gián thu

b. Căn cứ vào đối tượng chịu thuế

1.2. THUẾ MÔN BÀI VÀ QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI

1.2.1. Thuế môn bài

a. Khái niệm về thuế môn bài

Thuế môn bài là thuế đăng ký kinh doanh được tính theo năm. Mức thuế áp dụng theo số tuyệt đối và được phân biệt theo hai nhóm: tổ chức kinh tế và hộ kinh doanh cá thể.

b. Đặc điểm của thuế môn bài

- Thuế môn bài được tính vào đầu năm đối với các thể nhân, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các cơ sở được cấp một thẻ để treo ở tiệm.

- Là khoản thu vừa mang tính chất thuế, vừa mang tính chất lệ phí.

c. Nội dung cơ bản của thuế môn bài

- Đối tượng nộp thuế.

- Mức thuế môn bài.

- Kê khai, nộp thuế môn bài.

1.2.2. Quản lý thuế môn bài

a. Khái niệm quản lý thuế môn bài

Quản lý thuế môn bài là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước với quá trình tính và thu thuế môn bài để thay đổi quá trình này tạo ra nguồn thu cho ngân sách nhà nước và đạt được mục tiêu nhà nước đặt ra.

b. Sự cần thiết trong việc quản lý thuế môn bài

- Quản lý thuế môn bài là hoạt động tổ chức, điều hành và giám sát của cơ quan thuế.

- Quản lý thuế môn bài đảm bảo sự vận hành thông suốt hệ thống cơ quan Nhà nước, có tác động tích cực tới quá trình thu, nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước.

- Quản lý thuế môn bài giúp đóng góp một tỷ lệ thường xuyên, ổn định.

- Góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật cũng như các quy định về quản lý thuế và quản lý thuế môn bài.

- Nhà nước thực hiện kiểm soát và điều tiết các hoạt động kinh tế của các tổ chức, cá nhân.

c. Nội dung quản lý thuế môn bài

- Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Căn cứ tình hình đăng ký thuế, mức độ tuân thủ pháp luật thuế, thăm dò ý kiến về nhu cầu hỗ trợ để có chương trình, kế hoạch hàng năm.

Các hình thức tuyên truyền được áp dụng như tuyên truyền qua hệ thống tuyên giáo các cấp; qua tờ rơi, tờ gấp; qua pa-nô, áp-phích; trên các phương tiện thông tin đại chúng; qua trang thông tin điện tử và các hình thức tuyên truyền khác.

Các hình thức hỗ trợ cho người nộp thuế như tổ chức tập huấn, đối thoại với người nộp thuế; xây dựng, cấp phát tài liệu hỗ trợ người nộp thuế; giải đáp vướng mắc về thuế qua điện thoại, trực tiếp tại cơ quan thuế bằng văn bản.

- Giải quyết thủ tục hành chính thuế

+ **Đăng ký thuế:** Đăng ký thuế là việc người nộp thuế thực hiện khai báo sự hiện diện của mình và nghĩa vụ phải nộp một hoặc một số

loại thuế với cơ quan thuế. Người nộp thuế cung cấp những thông tin cho cơ quan thuế khi thực hiện đăng ký thuế, gồm: tên cơ quan thuế, địa chỉ, quyết định thành lập, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh chính, ngày bắt đầu hoạt động, loại hình kinh tế, hình thức hạch toán, các loại thuế phải nộp...

Đối với thuế môn bài, đối tượng chịu thuế là tất cả các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh nên việc thực hiện đăng ký mã số thuế cũng đồng nghĩa với phát sinh nghĩa vụ nộp tờ khai và tiền thuế môn bài vào NSNN.

+ Khai thuế, tính thuế

Kê khai thuế, tính thuế môn bài là việc người nộp thuế tự xác định số thuế môn bài phải nộp phát sinh trong kỳ kê khai thuế theo quy định. Người nộp thuế sử dụng hồ sơ khai thuế môn bài của Luật quản lý thuế để kê khai số thuế phải nộp với cơ quan thuế và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu trong hồ sơ khai thuế.

Để thực hiện tốt công tác xử lý tờ khai, cơ quan thuế phải làm tốt công tác quản lý đối tượng nộp thuế, nhất là thuế môn bài với số lượng người nộp thuế rất lớn và trình độ cũng như ý thức tuân thủ pháp luật thuế rất khác nhau, càng đòi hỏi phải cấp mã số thuế để quản lý chặt chẽ đến từng đối tượng nộp thuế.

+ Nộp thuế, ủy nhiệm thu thuế

Dưới sự phối hợp giữa Ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác và tổ chức dịch vụ theo quy định của pháp luật, Kho bạc nhà nước, cơ quan thuế quản lý thu thuế, tổ chức được cơ quan thuế ủy nhiệm thu thuế có trách nhiệm bố trí địa điểm, phương tiện, cán bộ, công chức, nhân viên thu tiền thuế bảo đảm thuận lợi cho người nộp thuế nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt kịp thời vào NSNN. Hiện tại, nộp thuế điện tử là xu hướng chung làm giảm thủ tục hành chính, tiết kiệm chi phí cho người nộp thuế.

- Công tác kiểm tra

Kiểm tra thuế là xác định tính đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu trong hồ sơ thuế nhằm đánh giá sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến phát sinh số thuế phải nộp và tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước khi không nộp tờ khai hay chậm nộp tờ khai môn bài trên 90 ngày.

Công tác kiểm tra thuế được thực hiện dưới hai hình thức: Kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế và kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế.

- Xử lý vi phạm pháp luật về thuế.

Công tác xử lý vi phạm pháp luật về thuế phải đảm bảo chính xác, minh bạch, công bằng và mang tính răn đe. Vi thuế môn bài là loại thuế đầu tiên của năm và cũng là loại thuế đầu tiên của người nộp thuế khi ra hoạt động sản xuất kinh doanh nên công tác xử lý vi phạm pháp luật về thuế sẽ ảnh hưởng đến tính tuân thủ pháp luật thuế.

- Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, thi hành quyết định hành chính thuế

Mục tiêu của công tác cưỡng chế nợ thuế là kịp thời phát hiện và xử lý các đối tượng nộp thuế cố ý chây ì, nợ thuế, chiếm đoạt tiền thuế và các khoản tiền phạt liên quan đến thuế.

Giám sát chặt chẽ việc thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, có biện pháp kịp thời để đôn đốc, xử phạt.

Theo dõi được số thuế nợ của đối tượng nộp thuế theo từng loại thuế, mức nợ, tuổi nợ, nguyên nhân nợ thuế và kết hợp với việc phân tích thông tin về tình hình sản xuất thông tin về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp để xây dựng kế hoạch và có biện pháp tổ chức thu nợ hợp lý.

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Người nộp thuế, cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo đối với các hành vi hành chính của cơ quan thuế, công chức quản lý thuế, người được giao nhiệm vụ trong công tác quản lý thuế khi có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp

của mình.

Cơ quan thuế, công chức quản lý thuế, người được giao nhiệm vụ trong công tác quản lý thuế có trách nhiệm kiểm tra, xem xét lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, nếu thấy trái pháp luật thì kịp thời sửa chữa, khắc phục để tránh phát sinh khiếu nại tố cáo.

d. Quản lý thuế môn bài trên góc độ nhà quản lý

Ngoài nội dung quản lý thuế môn bài ở trên thì đứng trên góc độ của các nhà quản lý thì quản lý thuế môn bài bao gồm các nội dung sau: Xây dựng chính sách và thể chế hóa thành pháp luật thuế; Xây dựng tổ chức bộ máy quản lý thuế môn bài; Tổ chức quy trình quản lý thuế; Tổ chức thực hiện các chức năng quản lý thuế.

e. Sự khác biệt trong cách quản lý thuế

- Doanh nghiệp và hộ cá thể
- Thuế môn bài và các loại thuế khác

1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI

1.3.1. Nhân tố khách quan

a. Hệ thống văn bản pháp luật thuế

b. Sự phát triển của nền kinh tế

1.3.2. Nhân tố chủ quan

a. Cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý

b. Trình độ năng lực của cán bộ ngành thuế

c. Cơ chế quản lý, phương thức quản lý

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI

TẠI CHI CỤC THUẾ THANH KHÊ

2.1. KHÁI QUÁT CHI CỤC THUẾ THANH KHÊ

2.1.1. Tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn

2.1.2. Đặc điểm doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể trên địa bàn Thanh Khê

2.1.3. Lịch sử ra đời, cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý, chức năng, nhiệm vụ

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI TẠI CHI CỤC THUẾ THANH KHÊ

2.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

a. Về tuyên truyền

Các hình thức tuyên truyền được áp dụng như tuyên truyền qua hệ thống tuyên giáo các cấp; qua tờ rơi, tờ gấp; qua pa-nô, áp-phích; trên các phương tiện thông tin đại chúng; qua trang thông tin điện tử và các hình thức tuyên truyền khác.

Qua các năm thì công tác tuyên truyền không thay đổi nhiều về cách thức và mức độ, chưa có sự sáng tạo trong hình thức tuyên truyền nên chưa tạo được sự quan tâm đáng có. Về mức độ, tuy có sự gia tăng về đối tượng nộp thuế trên địa bàn nhưng mức độ thường xuyên của các hình thức tuyên truyền là không nhiều.

b. Về công tác hỗ trợ

Trong năm 2013, 2014 có sự thay đổi nhiều về chính sách quản lý thuế nên có sự đột biến trong đòi hỏi công tác hỗ trợ chính sách thuế. Tuy vậy, việc thiếu hụt nhân sự trong công tác tuyên truyền, hỗ trợ làm giảm tính hiệu quả trong thời gian này. Chi cục Thuế đã nỗ lực trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp kê khai đúng, kịp thời chiếm tới 85,28%

doanh nghiệp thành lập mới và đáp ứng đòi hỏi hỗ trợ khi chính sách thuế có nhiều thay đổi.

Công tác hỗ trợ dần rút ngắn thời gian giải đáp thắc mắc từ trả lời bằng văn bản thành trả lời trực tiếp, qua điện thoại và bây giờ là qua cổng thông tin điện tử.

Theo thực trạng ở trên thì công tác tuyên truyền, hỗ trợ chưa thiết thực và hiệu quả đối với người nộp thuế. Nguyên nhân chủ yếu là do chưa phân nhóm đối tượng nộp thuế khi áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ; xu thế hội nhập nên chính sách pháp luật thuế có nhiều thay đổi cho phù hợp; quy định pháp lý về hành chính điện tử, giao dịch điện tử chưa được ban hành đầy đủ nên chưa mạnh dạn sử dụng hỗ trợ qua điện tử, trong khi đó nguồn nhân lực hỗ trợ trực tiếp chưa đủ đáp ứng...

2.2.2. Giải quyết các thủ tục hành chính thuế

a. Đăng ký thuế

Thuế môn bài áp dụng cho tất cả các đối tượng ra hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì thế nên việc đăng ký mã số thuế ra hoạt động cũng chính là đăng ký thuế môn bài.

Tuy vậy, vẫn còn tồn tại những tranh cãi của một số doanh nghiệp trên địa bàn có những cửa hàng trưng bày, kho hàng trực thuộc doanh nghiệp theo kê khai thì không phát sinh doanh thu nhưng trên thực tế thì chưa kiểm soát được. Việc đăng ký thuế môn bài cho trường hợp này vẫn chưa có quy định chặt chẽ, khiến việc quản lý thuế môn bài gặp khó khăn.

Đối với hộ cá thể chính sự quản lý chưa quyết liệt nên tình trạng hoạt động không mã số thuế còn diễn ra phổ biến và ngày càng gia tăng từ 1.833 lên đến 2.005 hộ kinh doanh vào năm 2015, chủ yếu là hộ thu nhập thấp, năm 2015 chiếm tỷ trọng lên đến 36,66%. Trong năm 2015,

cùng với sự quyết tâm của các cán bộ quản lý phường với sự hỗ trợ của ban quản lý chợ, đội dân quân, đoàn thanh niên tích cực lấy thông tin để cấp mã số thuế kịp thời. Sự phối hợp giữa các Chi cục Thuế quận huyện để cấp mã số thuế mẹ con, giúp cho việc quản lý thuế của các hộ kinh doanh minh bạch và chính xác hơn. Đưa số hộ không mã số thuế hiện tại về 91 hộ và không chỉ dừng lại ở đó.

b. Kê khai thuế

Đối với doanh nghiệp

Phần lớn doanh nghiệp nộp thuế môn bài trên địa bàn là công ty trách nhiệm hữu hạn do tính linh hoạt và phù hợp với quy mô công ty vừa và nhỏ trong năm 2015 chiếm tỷ trọng 71,16% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn, với số thuế môn bài phải nộp năm 2015 của loại hình công ty TNHH là 2,77 tỷ. Số thuế môn bài kê khai qua các năm cũng tăng dần lên.

Theo như số liệu thì qua ba năm số thuế môn bài doanh nghiệp thành lập mới sụt giảm 8,42% vào năm 2014, nhưng lại gia tăng khá nhanh trong năm 2015 với tỷ lệ là 19,92%. Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn Thanh Khê chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, nên khi mà chính sách thuế thay đổi dễ ảnh hưởng lớn tới khả năng tồn tại và hoạt động của doanh nghiệp.

Việc áp dụng kê khai qua mạng tuy thời gian đầu còn nhiều vướng mắc do sự không đồng tình của một số ít người nộp thuế và chất lượng mạng của nhà cung cấp, nhưng dần dần cũng đi vào ổn định. Số doanh nghiệp kê khai thuế qua mạng đến thời điểm này là trên 95% so với số doanh nghiệp đang quản lý, tạo thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp, giảm bớt thời gian thủ tục hành chính thuế.

Đối với hộ cá thể

Số thuế môn bài kê khai qua ba năm khá đồng đều, chỉ có năm 2015 có sụt giảm đáng kể, giảm 7% so với năm 2014, nguyên nhân chủ yếu tác động là do sự thay đổi của chính sách trong việc tính thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân kinh doanh. Đồng thời chính nỗ lực rà soát đối tượng nộp thuế thu nhập thấp không có mã số thuế đưa số liệu lập bộ đúng với thực tế số hộ còn hoạt động kinh doanh trên địa bàn cũng một phần làm giảm số kê khai môn bài đầu năm.

Với sự phân chia theo địa bàn phường, các phường có số thuế môn bài kê khai cao bao gồm Vĩnh Trung, Tân Chính, Thạch Gián, Chính Gián. Đây là các phường lớn nằm ở trung tâm của quận Thanh Khê, vì vậy nên tập trung nhiều hộ kinh doanh và được chú trọng trong công tác quản lý thuế, nhất là việc bố trí nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu.

Theo loại hình hộ kinh doanh, số thuế hộ khoán ổn định chiếm tỷ lệ cao qua các năm chiếm từ 63,04%, tiếp đến là hộ thu nhập thấp, hộ mặt bằng. Hộ thu nhập thấp là hộ có doanh thu tính thuế nhỏ hơn 8,4 triệu/tháng. Đối với từng loại hình khác nhau, mức độ đóng góp thông qua thuế môn bài cũng khác nhau. Chính vì vậy, để quản lý thuế môn bài hộ kinh doanh hiệu quả việc xác định, phân loại hộ kinh doanh là cực kỳ quan trọng, chống thất thu thuế.

c. Về Nộp thuế

Qua các năm, số thuế môn bài khá ổn định, doanh nghiệp ngoài quốc doanh đóng góp khoảng 63%, hộ kinh doanh đóng góp 37% tổng thu môn bài. Lĩnh vực hộ cá thể chiếm số thu môn bài không nhỏ nhưng theo đánh giá thì việc quản lý chưa được chặt chẽ do số lượng hộ không có mã số thuế nhiều, số hộ kinh doanh mặt bằng, hải sản cũng không được quản lý chặt chẽ, chưa thực sự quyết liệt và nhận được sự quan tâm hợp lý. Việc thu môn bài bằng biên lai tay với không mã số thuế

diễn ra rất nhiều làm mất thời gian tìm kiếm và lưu trữ, hiệu quả quản lý thuế không cao.

Tỷ lệ đóng góp của thuế môn bài vào tổng thu NSNN nhỏ, năm 2015 chỉ chiếm 1,66% tổng thu nhưng rất ổn định qua các năm. Tuy có sự thay đổi về tỷ lệ đóng góp giữa doanh nghiệp và hộ cá thể do có sự tác động bởi sự thay đổi chính sách thuế và sự tăng trưởng của nền kinh tế nhưng tổng thu môn bài tăng đều qua ba năm.

Trong năm 2015, Chi cục Thuế nói riêng và Cục Thuế Đà Nẵng nói chung đang đẩy mạnh công tác nộp thuế điện tử giúp giảm thủ tục hành chính, giảm chi phí đi lại, đơn giản và nhanh chóng đối với người nộp thuế. Ngành thuế đang hướng tới “Minh bạch, chuyên nghiệp, liêm chính, đổi mới”.

2.2.3. Xử lý vi phạm pháp luật về thuế

Tình trạng không kê khai thuế môn bài hay kê khai quá thời gian quy định còn nhiều, và phổ biến nhất là khi có sự thay đổi căn cứ tính thuế môn bài dẫn tới tăng bậc môn bài mà người nộp thuế không bổ sung tờ khai cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Tình trạng khai chậm tờ khai đã giảm dần qua các năm nhưng tỷ trọng kê khai chậm thuế môn bài còn khá cao đối, thường là với các DN mới thành lập hay doanh nghiệp tăng thêm chi nhánh, cửa hàng, doanh nghiệp tăng đổi vốn điều lệ dẫn đến thay đổi bậc môn bài. Tỷ lệ kê khai chậm thuế môn bài năm 2015 là 1,85%.

Qua các năm số tiền phạt về môn bài và tiền chậm nộp cũng giảm xuống. Số thu tiền phạt môn bài chỉ chiếm 0,91% trong tổng thu phạt và tiền chậm nộp. Đây là con số khá nhỏ và ấn tượng, nhưng xét trên mức độ đánh giá khả năng quản lý đối với thuế môn bài thì cần được coi trọng hơn.

2.2.4. Kiểm tra thuế

Qua các năm tình trạng kiểm tra thuế đối với thuế môn bài càng ngày càng ít do ý thức của người nộp thuế cao hơn và công tác quản lý của Chi cục Thuế cũng chặt chẽ hơn. Tỷ lệ truy phạt môn bài do kiểm tra chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng phạt và truy thu thuế, chỉ chiếm bình quân 0,15%. Chi cục Thuế đã rà soát, tiến hành nhắc nhở, đôn đốc để hạn chế tối đa mức độ vi phạm của người nộp thuế, tạo điều kiện cho người nộp thuế hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.2.5. Quản lý nợ, cưỡng chế nợ thuế, thi hành quyết định hành chính thuế

Qua số liệu nợ dưới đây, mặc dù thuế môn bài là sắc thuế dễ tính toán và chỉ phải nộp một lần trong năm nhưng tình hình nợ đọng cũng xảy ra rất thường xuyên. Số nợ đọng tăng nhiều qua các năm cả về doanh nghiệp và hộ cá thể.

Tỷ lệ nợ đọng thuế môn bài trên tổng số nợ thuế chiếm tỷ trọng 0,99% vào năm 2015. Tuy vậy, tỷ lệ nợ đọng/số thu của thuế môn bài năm 2015 lại chiếm tỷ trọng lên đến 9,18% là một tỷ lệ không hề nhỏ, làm giảm đi hiệu quả của công tác quản lý thuế môn bài của Chi cục Thuế. Cần phân loại nợ và quy trách nhiệm cho từng cá nhân quản lý, đồng thời phối hợp với các ban ngành điều tra, khảo sát lại để xóa nợ hợp lý.

Thêm một điểm lưu ý nữa trong công tác quản lý nợ đối với hộ cá nhân kinh doanh đó là hộ không có mã số thuế mà chủ yếu là hộ thu nhập thấp còn quá nhiều, làm cho việc đối chiếu, kiểm tra bằng thủ công khó khăn và mất nhiều thời gian và không mang lại hiệu quả.

2.4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ

2.4.1. Kết quả đạt được

- Với nhiều hình thức tuyên truyền rộng khắp, thường xuyên và có trọng tâm vào cuối năm và đầu năm để nâng cao ý thức chấp hành thực

hiện pháp luật về thuế. Luôn sẵn sàng lắng nghe, trao đổi, hướng dẫn người nộp thuế để từ đó tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp cho người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN. Luôn luôn ghi nhớ rằng : “Thu thuế phải thu được lòng dân”.

- Việc đăng ký mã số thuế ngày càng đơn giản hơn với sự phối hợp của nhiều cấp ngành địa phương giúp cho việc sàng lọc, đưa vào chương trình quản lý có hiệu quả hơn và hạn chế thấp nhất việc quản lý hộ kinh doanh không có mã số thuế. Người nộp thuế cũng đã ý thức được lợi ích khi được cấp mã số thuế, giúp cho việc quản lý thuế được chặt chẽ, tránh thất thu thuế.

- Sự phát triển nhanh về khoa học công nghệ giúp cho việc quản lý thuế ngày càng hiệu quả hơn. Làm giảm bớt một số thủ tục, giấy tờ, giảm bớt việc lưu trữ bằng giấy. Cơ chế tự khai tự tính tự nộp và phương thức kê khai điện tử đã làm tinh gọn thủ tục hành chính, tăng ý thức kê khai, nộp thuế của người nộp thuế. Chính cơ chế tự khai, tự tính, tự nộp làm cho quản lý thuế trở nên đơn giản hơn, hướng đến hỗ trợ, điều chỉnh, kiểm tra. Kê khai thuế môn bài được thực hiện một lần trong năm, tờ khai thuế đơn giản, dễ hiểu tạo điều kiện cho người nộp thuế kê khai. Cách tính thuế môn bài rõ ràng, áp dụng vào khung theo quy định. Cán bộ thuế đã thể hiện trách nhiệm của mình khi gửi thông báo, đơn đốc nộp tờ khai đúng hạn. Công tác kê khai thuế điện tử được triển khai và đã đi vào ổn định.

- Công tác nộp tiền thuế môn bài vào NSNN cũng có sự phối hợp chặt chẽ giữa Chi cục Thuế, kho bạc, ngân hàng. Cùng với tờ khai, công tác tuyên truyền cho việc nộp thuế điện tử, giúp làm giảm thủ tục hành chính đang được đẩy mạnh.

- Công tác quản lý thu nợ thuế đã có nhiều chuyển biến tích cực, đã đẩy mạnh rà soát lại nợ đọng từ các năm trước, từ đó phân loại nợ, để xuất xóa nợ đối với những trường hợp không thu được nợ và tạo điều

kiện cho người nộp thuế ra hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế trên địa bàn.

- Trong những năm gần đây, công tác quản lý thuế được ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cấp các ứng dụng hỗ trợ trong việc kê khai, theo dõi số thu, số nợ đọng thuế... Các thủ tục về thuế được đơn giản hóa, công khai, giảm thời gian chờ đợi. Việc đưa vào sử dụng ứng dụng quản lý thuế tập trung từ năm 2015 đã góp phần giúp công tác quản lý thuế trở nên đồng bộ, minh bạch, dễ dàng và đầy đủ hơn.

2.4.2. Hạn chế

- Công tác tuyên truyền – hỗ trợ người nộp thuế luôn được chú trọng triển khai thực hiện nhưng vẫn chưa được đổi mới về hình thức, phương pháp và hiệu quả chưa cao, thiếu những sự kiện truyền thông có sức thu hút mạnh và kinh phí tổ chức thực hiện. Các dịch vụ hỗ trợ chưa thiết thực với từng nhóm/loại người nộp thuế hoặc chưa đủ điều kiện về con người, ứng dụng nâng cấp quá nhanh, không mang tính ổn định.

- Về công tác kê khai, hiện nay đã có hơn 95% doanh nghiệp khai thuế qua mạng Internet, nhưng chưa có phần mềm ứng dụng để rà soát hồ sơ khai thuế nhanh hơn, đảm bảo chất lượng hơn, số lỗi trong việc kê khai còn rất nhiều, tình trạng nghẽn mạng trong những ngày cuối cùng của thời hạn kê khai còn rất nhiều. Tờ khai môn bài là một trong những tờ khai được gửi điện tử nhưng tỷ lệ thành công rất thấp, vì vậy mà tình trạng nộp trực tiếp tờ khai tại bộ phận một cửa của Chi cục Thuế diễn ra rất phổ biến. Thêm vào đó, việc quản lý không mã số thuế còn diễn ra thường xuyên dẫn đến việc nộp thuế không được đồng bộ và khó khăn, dễ dẫn tới sai sót khi thu thuế, nộp thuế và đối chiếu nợ đọng.

Việc xác định tiêu mục cho thuế môn bài của người nộp thuế và các cơ quan có liên quan trong công tác thu ngân sách thường nhầm lẫn gây ra tình trạng vừa thừa vừa thiếu trong công tác quản lý thuế môn bài.

Thêm vào đó, hình thức nộp thuế điện tử đang trong quá trình triển khai nên việc nhằm tiêu mục đích ra thường xuyên, làm cho công tác quản lý nợ gặp nhiều khó khăn, sai số liệu quản lý của cơ quan thuế.

- Tình hình nợ đọng thuế còn khá cao và chủ yếu là nợ đọng từ những năm trước chuyển sang, đây là khoản thu khó đòi cần sự phối hợp giữa chính quyền địa phương và cán bộ thuế. Chưa chủ động trong công tác thu thập, trao đổi thông tin với cơ quan, tổ chức có liên quan để theo dõi về tình trạng sản xuất kinh doanh của người nộp thuế để phục vụ công tác thu hồi nợ đọng thuế.

- Việc phân cấp quản lý thuế chưa thực sự khoa học, tỷ lệ cán bộ làm ở bộ phận gián tiếp còn cao. Bổ sung thêm cán bộ công chức ở bộ phận kiểm tra và quản lý nợ đáp ứng yêu cầu phù hợp của quản lý thuế trong tình hình hiện tại. Trình độ học vấn, chuyên môn của cán bộ quản lý thuế nhìn chung là chưa cao, nhất là tin học. Vì vậy, cùng với việc hiện đại hóa ngành thuế, việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ đóng vai trò quan trọng cần phải được quan tâm và tạo điều kiện trong thời gian tới.

- Thêm vào đó là tình trạng trang thiết bị phục vụ cho công tác thu thuế ở các đội xã phường còn thiếu và công nghệ lạc hậu không theo kịp với quá trình hiện đại hóa ngành thuế. Do đó, việc quản lý hộ kinh doanh thủ công còn diễn ra thường xuyên, gây khó khăn trong việc quản lý và việc kê khai nộp thuế của người nộp thuế.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CÁC GIẢI PHÁP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN THANH KHÊ

3.1. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ TẠI CHI CỤC THUẾ QUẬN THANH KHÊ

3.2. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ THUẾ MÔN BÀI

3.3. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN

3.3.1. Tập trung rà soát đối tượng kinh doanh chống thất thu thuế

Tập trung rà soát đối tượng kinh doanh đưa tất cả các đối tượng có thực tế kinh doanh, tiến hành cấp mã số thuế vào diện quản lý thu.

- Rà soát lại bậc môn bài của doanh nghiệp, đơn đốc, thông báo kịp thời cho doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh rà soát và đơn đốc đối với doanh nghiệp kê khai chậm, doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh mới ra kinh doanh lại, thông báo nhắc nhở đối với doanh nghiệp mới ra kinh doanh. Đối với các doanh nghiệp kinh doanh đặc thù như vàng, karaoke cũng đưa vào diện kê khai thuế điện tử và nộp thuế điện tử để công tác quản lý được đồng bộ và đơn giản hơn.

- Đối với hộ kinh doanh các Đội thuế tham mưu UBND phường chỉ đạo các ban ngành của phường phối hợp cùng đội thuế để triển khai các biện pháp quản lý khai thác nguồn thu, nhất là khai thác triệt để các nguồn thu phát sinh ngoài bộ từ cho thuê mặt bằng, xây dựng tư nhân, hải sản,..., đơn đốc thu dứt điểm thuế môn bài năm; thường xuyên tiếp nhận thông tin từ Phòng Tài chính kế hoạch quận về cấp đăng ký kinh doanh để đưa vào quản lý thuế kịp thời và thực hiện kiểm tra, đơn đốc, thu thuế.

Tiến hành rà soát lại các ngành nghề mang tính đặc thù như: vận tải, karaoke, massage... Tổ chức điều tra doanh thu thực tế của hộ kinh doanh trên địa bàn để điều chỉnh bậc môn bài của hộ cá thể phát sinh một cách hợp lý.

Giám sát chặt chẽ đạo đức nghiệp vụ của một số cán bộ trực tiếp quản lý hộ kinh doanh, tránh tình trạng lạm dụng chức quyền, chiếm đoạt của công, có thái độ hống hách, quan liêu. Nâng cao hiệu quả phản ánh của đường dây nóng, hòm thư góp ý để hộ kinh doanh có thể yên tâm sản xuất kinh doanh.

3.3.2. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế

Thực hiện phân loại người nộp thuế theo thời gian hoạt động để có kế hoạch tuyên truyền, hỗ trợ phù hợp:

+ Đối với nhóm DN, hộ cá thể thành lập mới, cần coi trọng tuyên truyền kiến thức cơ bản về chính sách thuế, quyền lợi và nghĩa vụ của người nộp thuế. Nên áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ như: hội thảo DN mới thành lập, cung cấp tại trụ sở người nộp thuế các ấn phẩm miễn phí, tổ chức các đội tư vấn trực tiếp, xây dựng hệ thống thông tin riêng, ...;

+ Đối với người nộp thuế đang hoạt động sản xuất kinh doanh không có sự thay đổi dẫn đến thay đổi bậc môn bài cần coi trọng tuyên truyền quyền lợi và nghĩa vụ nộp thuế môn bài vào NSNN đúng thời hạn quy định của luật thuế. Cần thường xuyên nhắc nhở qua địa chỉ mail của người nộp thuế về khoản thu về thuế môn bài;

+ Đối với người nộp thuế đang hoạt động sản xuất kinh doanh có sự thay đổi dẫn đến thay đổi bậc môn bài cần rà soát lại vốn đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và tờ khai thuế môn bài của người nộp thuế. Ra thông báo đôn đốc nộp tờ khai và nộp tiền thuế vào NSNN đúng hạn. Cơ quan thuế phải nâng cao vai trò trợ giúp và hướng dẫn. Các hình thức hỗ trợ chủ yếu là tư vấn theo nhóm đối tượng và giải đáp trực tiếp tại cơ quan thuế;

Trong công tác hỗ trợ phải lưu ý giải đáp vướng mắc về thuế phải dễ hiểu, tránh gây hiểu nhầm; các tờ khai thuế được thiết kế dễ kê khai; các phần mềm hỗ trợ phải được nâng cấp kịp thời, tránh

việc nâng cấp quá nhanh gây khó khăn trong việc kê khai thuế của người nộp thuế. Áp dụng một hệ thống các hình thức giao tiếp đa dạng với người nộp thuế như hệ thống trả lời qua điện thoại, dịch vụ hỏi đáp điện tử, các cuốn sách mỏng về thông tin về thuế, các cuộc hội thảo trực tiếp hoặc hội thảo qua mạng, các tin báo, các cuộc họp báo. Đặc biệt, trong bối cảnh Internet phát triển như hiện nay thì các website cũng là một kênh truyền thông một cách hiệu quả, nhất là website của Cục Thuế Đà Nẵng, cần được hoàn thiện hơn cả về hình thức lẫn nội dung để người nộp thuế có thể tìm hiểu.

Không chỉ chuẩn bị về phương tiện mà còn về nhân sự, đảm bảo cho công tác tuyên truyền, hỗ trợ về thuế đạt được hiệu quả.

3.3.3. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế

Tiếp tục nâng cấp ứng dụng kê khai thuế điện tử. Phát triển ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý thuế có tính liên kết, tự động hóa cao, gắn chặt với quá trình cải cách thủ tục hành chính thuế và áp dụng thuế điện tử.

Xây dựng cổng thông tin điện tử cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế; chuyển đổi kiến trúc hệ thống ứng dụng quản lý thuế phân tán sang tập trung.

Thêm vào đó cần trang bị lại thiết bị, máy móc cho cán bộ nhân viên, nhất là ở các Đội thuế phường. Tránh tình trạng vừa thừa vừa thiếu trong quản lý tài sản và phân biệt trong phân cấp tài sản.

3.3.4. Hoàn thiện tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

Phối hợp chức năng giữa các phòng, đội phải cho thấy sự liên kết mật thiết. Đồng thời, tiến hành đào tạo nghiệp vụ, phân quyền cho cán bộ để có thể tự mình theo dõi được một cách tổng quan, khái quát tình hình hiện tại của người nộp thuế.

Nâng cao trình độ của cán bộ quản lý cả về chuyên môn và kỹ năng.

Bổ sung đủ nguồn nhân lực cho Chi cục Thuế và có hướng hỗ trợ, giải quyết đối với số công chức lớn tuổi, không theo kịp yêu cầu cải cách hiện đại hóa để cơ cấu lại nguồn nhân lực phù hợp, hiệu quả hơn;

Điều chỉnh cơ cấu nguồn nhân lực cho phù hợp với yêu cầu quản lý thuế: cán bộ thuế làm công tác thanh tra, kiểm tra đạt tối thiểu 30% trên tổng số cán bộ; giảm dần tỷ trọng công chức làm ở các bộ phận gián tiếp để tăng cường công chức cho cán bộ trực tiếp quản lý thuế.

Có chế độ đãi ngộ phù hợp đối với những cá nhân có khả năng, trình độ nghiệp vụ và đạo đức với nghề nghiệp. Việc áp dụng giải pháp này mang tính khuyến khích, tạo động lực và tạo sự gắn bó với ngành, đảm bảo duy trì khả năng học tập, thi đua trong lao động và trong các phong trào của ngành, của quận đoàn, thành phố.

3.3.5. Nâng cao hiệu quả quản lý nợ thuế, kiểm tra thuế

Phải đạt ra yêu cầu có văn bản pháp lý cụ thể để xử lý vấn đề nợ thuế và trách nhiệm của người Đại diện theo pháp luật của người nộp thuế nợ thuế hoặc không hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; hướng dẫn cụ thể để áp dụng các biện pháp cưỡng chế nợ thuế mạnh hơn đối với NNT cố tình dây dưa, nợ thuế.

Áp dụng việc phân loại người nộp thuế theo tính chất tuân thủ pháp luật về thuế. Từ đó tăng cường các biện pháp kiểm tra, thanh tra đối với các trường hợp có rủi ro cao về thuế.

Phân loại các khoản nợ theo khả năng thu, trên cơ sở đó có biện pháp để xử lý nợ đọng kéo theo từ năm này sang năm khác. Cụ thể như sau:

- Tiến hành rà soát lại một số trường hợp nợ đọng thuế kéo dài, mang tính chất thời điểm, có nguyên nhân khách quan dẫn tới việc nợ đọng thuế. Đánh giá mức độ thu hồi các khoản nợ của các tổ chức, cá nhân đó để từ đó trình cấp trên tiến hành xóa nợ, tạo điều kiện sản xuất

kinh doanh, tạo lòng tin của người dân vào cơ quan quản lý thu của Nhà nước.

- Tiến hành rà soát lại những khoản nợ có nghi ngờ, phát hiện những trường hợp nợ đọng thuế do cán bộ hạch toán kế toán sai với thực tế kinh doanh. Trên cơ sở đó để loại ra những khoản nợ không đúng, điều chỉnh lại cho đúng với số thực tế kinh doanh của người nộp thuế.

- Với những khoản nợ có khả năng thu, tiến hành đôn đốc và có biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế. Đặt ra chỉ tiêu, giao trách nhiệm cụ thể cho từng cán bộ quản lý trực tiếp để xét năng lực trình độ chuyên môn của cán bộ trong việc quản lý nợ để có hình thức khen thưởng và khiển trách hợp lý.

Có sự phối hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban và giữa các cơ quan tổ chức đoàn thể nhà nước để tiến hành thu các khoản nợ đọng có khả năng thu được.

3.3.6. Thiết lập mối quan hệ tốt và bền vững đối với người nộp thuế

Bằng những việc làm cụ thể như: Tuyên dương các doanh nghiệp, hộ kinh doanh chấp hành tốt trong việc kê khai và nộp thuế, đi đầu trong việc hưởng ứng các chủ trương mới của ngành thuế như kê khai điện tử, nộp thuế điện tử..., thường xuyên tổ chức các cuộc đối thoại, trao đổi những vướng mắc xảy ra khi kê khai thuế trong quá trình hoạt động kinh doanh, không chỉ đối với các thông tư, nghị định mới mà cả với những quy định cũ nhưng phát sinh những trường hợp khác chưa được hướng dẫn cụ thể. Ngoài ra, việc tập huấn về kỹ năng ứng xử cho cán bộ công nhân viên cũng là một cách tốt trong việc tạo lòng tin đối với người nộp thuế tại Chi cục Thuế.

3.4. CÁC KIẾN NGHỊ

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

KẾT LUẬN

Trên cơ sở đánh giá thực trạng quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế quận Thanh Khê để đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế, luận văn đã hoàn thành được một số vấn đề sau:

Một là, hệ thống hóa được những vấn đề chung về thuế môn bài và quản lý thuế môn bài, các nhân tố ảnh hưởng tới công tác quản lý thuế môn bài.

Hai là, đã phân tích thực trạng quản lý thuế môn bài tại Chi cục Thuế quận Thanh Khê qua các năm 2013-2015, luận văn đã thu thập được số liệu từ thực tế, từ đó đưa ra những đánh giá mặt tích cực, mặt tồn tại, hạn chế cần khắc phục, hoàn chỉnh.

Ba là, trên cơ sở đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế môn bài trên địa bàn, đề xuất những giải pháp gắn liền với những mặt tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện. Kiến nghị các cơ quan quản lý Nhà nước tháo gỡ một số những vướng mắc gặp phải không thuộc thẩm quyền Chi cục Thuế giải quyết được trong thực tế quản lý thuế môn bài tại quận Thanh Khê.

Thuế môn bài là loại thuế đơn giản nhưng trong thực tế quản lý lại chưa được chú trọng và phát sinh nhưng vấn đề cần khắc phục trong khâu quản lý, Quản lý tốt thuế môn bài làm tiền đề quản lý tốt các sắc thuế quan trọng khác trong năm.

Trong phạm vi đề tài, tác giả đã cố gắng nghiên cứu lý luận và thực tiễn quản lý để đưa ra những giải pháp sát đúng với thực tế yêu cầu quản lý. Tuy nhiên do trình độ còn hạn hẹp và thời gian không nhiều nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, rất mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các thầy cô để luận văn được hoàn thiện hơn.